

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc T1 – Phó Chủ tịch. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Quang N1, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Đào Thị Rô . Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh D, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Huỳnh T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Ông Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Phước T3, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Phước C, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Chị Huỳnh Thị S, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

11. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

12. Ông Huỳnh D, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

13. Bà Huỳnh Thị T5, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2020, bổ sung ngày 07/8/2020, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, Người khởi kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguyên thừa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.029 m² tại Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế là của ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1 tạo lập. Trên đất có xây một ngôi nhà để ở.

Ông Huỳnh N2, bà Lê Thị C1 có 07 người con là: Huỳnh Toàn, Huỳnh Thị T6 (chết khi chưa có chồng), Huỳnh Thị V (đã chết), Huỳnh C2, Huỳnh Quang N1, Huỳnh L và Huỳnh T2. Các con đều sống cùng bố mẹ đến lúc lập gia

đình thì con gái về nhà chồng, ông T7, ông N1, ông T2 thì đi làm ăn xa. Ông Huỳnh L ra ở riêng, ông Huỳnh C2 vẫn tiếp tục sống cùng bố, mẹ tại nhà đất nói trên. Khi chết, bố mẹ ông không để lại di chúc, nhưng trong quá trình sử dụng đất, ông Huỳnh C2 đã tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua ý kiến của anh, chị, em trong gia đình.

Ủy ban nhân dân huyện Q cũng không thăm tra xem xét nguồn gốc, đối tượng sử dụng đất nên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Huỳnh C2 vào ngày 23/9/1992.

Năm 1998, ông T2 làm ăn thất bát nên quay trở về nhà cha mẹ ở, đến đầu năm 2020 ông T2 có ý định tháo dỡ ngôi nhà của cha mẹ nên gây bức xúc trong gia đình. Đến lúc đó, mọi người mới biết thửa đất đã được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Huỳnh C2 vào ngày 23/9/1992.

Ngày 06/3/2020 ông Huỳnh L đã có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện Q thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Chế .1

Ngày 03/4/2020, Ủy ban nhân dân huyện Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND trả lời đơn khiếu nại của ông với nội dung: Ông Huỳnh C2 là người trực tiếp kê khai đăng ký ruộng đất năm 1986, năm 1992 được UBND xã Q xét duyệt và tiến hành niêm yết công khai đúng quy định. Sau đó, được UBND huyện xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 là đầy đủ, đúng quy định nên các tổ chức hay cá nhân nào được xác nhận là người quản lý, sử dụng hợp pháp thì được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông L không đồng ý với nội dung công văn, vì ông cho rằng:

- Ông Huỳnh C2 tự ý đứng tên kê khai vào năm 1986, việc kê khai không đúng với thực tế vì lúc đó ông Huỳnh N2 còn sống, nên UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2 là cấp sai đối tượng và nguồn gốc sử dụng đất.

- UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2 không đúng trình tự thủ tục vì đã không tiến hành thăm tra, xác minh.

- Trong thời gian hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã Quảng Công, trên thửa đất vẫn tồn tại ngôi nhà của cha mẹ để lại; các anh, chị, em đều thừa nhận nguồn gốc nhà, đất và thỏa thuận để lại làm nhà thờ. Điều này thể hiện trong Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 02/3/2020, nên không thể cho rằng đất của ông Huỳnh Chế tạo l.

Vì vậy, ông Huỳnh L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: TUYÊN HỦY Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Q và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Huỳnh Chế s B507311 ngày 23/9/1992.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Q, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q có ý kiến tại công văn số 1794/UBND ngày 26/11/2020 như sau:

Căn cứ vào Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước; Luật đất đai năm 1987, qua các thời kỳ quản lý đất đai trên cả nước thì việc UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Chế n 1992 là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật, bởi các lý do sau:

- Ông Huỳnh C2 là người trực tiếp sử dụng đất và là người trực tiếp kê khai đăng ký ruộng đất năm 1986; năm 1992 được U và tiến hành niêm yết công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định, sau đó được UBND huyện xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về thành phần hồ sơ cấp Giấy tại thời điểm năm 1992 là đầy đủ, đúng quy định nên các cá nhân nào được xác nhận là người quản lý sử dụng hợp pháp thì được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, UBND huyện Q còn cung cấp thêm:

- + Công văn số 264/UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện về việc thực hiện kế hoạch giải quyết vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền;

- + Thông báo số 29/TB-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L;

- + Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại;

- + Quyết định 06/QĐ-TNMT ngày 11/3/2020 của Phòng T11 về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Huỳnh L;

- + Kế hoạch số 08/KH-TXM ngày 12/3/2020 của Tổ xác minh về việc kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông Huỳnh L.

- + Phương án đối thoại số 04/PA-TNTM ngày 16/3/2020 của Phòng TNMT về phương án đối thoại.

- + Đơn khiếu nại của ông Huỳnh L gửi UBND huyện;

- + Công văn số 09/TNMT ngày 23/3/2020 của Phòng TNMT và Môi trường về việc đề nghị cung cấp hồ sơ và trả lời quá trình cấp Giấy CNQSD đất cho ông Huỳnh C2 và bà Đào Thị R, hồ sơ tặng cho QSD đất của ông Huỳnh T2;

- + Công văn số 49/VPĐKĐĐ ngày 24/3/2020 của Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện về việc cung cấp thông tin liên quan đến quá trình sử dụng đất;

- + Danh sách hộ cá nhân có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất được xét duyệt ngày 13/6/1992;

- + Bộ hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất của bà Đào Thị R;

- + Bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh T2;

- + Biên bản làm việc về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh L;

- + Biên bản về việc gặp gỡ, đối thoại ngày 30/3/2020;

- + Báo cáo số 11/BC-TNMT ngày 30/3/2020 của Phòng TNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- + Quyết định 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại của ông L;
- + Giấy mời làm việc số 16/GM-TNMT ngày 25/3/2020 của Phòng T11.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Quang N1 thống nhất như lời khai của ông Huỳnh L.

- Lời khai của những người làm chứng do ông L cung cấp, gồm: Ông Dương H1, ông Lê T8 và ông Lê Đình T9 sinh sống tại thôn B, xã Q, huyện Q, cùng ngày và cùng nội dung thể hiện họ biết về nguồn gốc nhà, đất do vợ chồng ông Huỳnh N2, bà Lê Thị C1 sinh sống cho đến khi qua đời; sau đó ông Huỳnh C2 đến làm nhà ở trên thửa đất này. Ông Huỳnh T2 đi làm ăn xa trở về cũng đến làm nhà và hiện nay đang ở trên thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh T2 có ý kiến:

Trước đây, bố mẹ các ông là cụ N2 và cụ C1 có sinh sống nhưng không rõ lý do vì sao không có đăng ký kê khai và không có giấy tờ gì về thửa đất này; bản thân ông lớn lên đi bộ đội sau đó lập gia đình rồi vào N sinh sống. Đến năm 1998 ông T2 trở về, được anh em cho phép xây dựng nhà trên đất, cạnh ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ; lúc này bố mẹ ông đã chết. Thửa đất đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho ông Huỳnh C2; nay hiện trạng trên thửa đất tranh chấp có 02 ngôi nhà, 1 bên là của bà Đào Thị R sinh sống cùng các con, bên còn lại là ngôi nhà vợ chồng ông T2 mới xây dựng và đang sinh sống.

Hiện nay, ông T2 đã xây dựng lên căn nhà 03 gian kiên cố, bao gồm nơi thờ tự để kỵ, giỗ bố, mẹ. Ông T2 cung cấp thêm bản photo Giấy viết tay Giấy chuyển nhượng vườn, nhà ở do ông C2, ông L, ông T2 viết và cùng ký ngày 18/9/1998. Hiện nay ông đã nộp bản chính cho Tòa án lưu giữ trong hồ sơ.

Nay ông Huỳnh L khởi kiện yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Huỳnh C2 là không có căn cứ và ông T2 không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh D, đại diện cho bà Đào Thị R trình bày:

Ông ở cùng với bố, mẹ tại thửa đất này từ nhỏ đến nay, đã nhiều năm và hiện nay bố ông đã chết; thửa đất tranh chấp này do bố mẹ ông là Huỳnh C2 và Đào Thị R ở và được nhà nước cấp GCNQSD đất đã lâu, không có ai tranh chấp, khiếu nại gì. Sau này khi ông Huỳnh T2 làm ăn trong Nam trở về thì ông C2, bà R đã cắt cho ông Huỳnh T2 (*chia đôi thửa đất*) đất để xây nhà; bà con nội ngoại 02 bên đều biết. Đáng lẽ, mẹ ông đã tách thửa cho ông T2 từ năm 2015 nhưng thời điểm đó sổ đỏ đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nên đến 2020 mới tách thửa, khi ông T2 làm nhà thì anh em xảy ra tranh chấp.

Về việc ông L khởi kiện thì ông D không chấp nhận vì các bên đã tách thửa, xây nhà ở kiên cố, ổn định, ngôi nhà cấp 4 như ông L khai nay đã phá dỡ, không còn gì trên đất.

Hiện nay, thửa đất trên do ông Huỳnh T2, bà Đào Thị R đang quản lý sử dụng, thửa đất đã được tách làm 2 và đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất. Các thủ tục được thực hiện theo đúng qui định và không có ai khiếu nại gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối thoại nhưng các bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án. Ý kiến của người khởi kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng về phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng về phía người khởi kiện, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đứng về phía người bị kiện không đồng ý với việc ông Huỳnh L khởi kiện.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 195; Điều 204 và Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 1, khoản 2, 3 Điều 18 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003, Điều 100 luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L về việc:

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Huỳnh Chés B507311 ngày 23/9/1992.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Huỳnh L là người khởi kiện, ông Huỳnh Quang N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông L, ông N1 cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá chứng cứ không khách quan, 편 diện, áp dụng pháp luật không đúng, do vậy, ông L, ông N1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và người đại diện theo ủy quyền của ông N1 đều giữ nguyên kháng cáo đồng thời cung cấp bổ sung thêm một số tài liệu, hồ sơ liên quan đến thủ tục thụ lý, tạm đình chỉ vụ kiện chia di sản thừa kế của ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1 tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L trình bày: Nhà đất của ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1 đã chết để lại là di sản thừa kế chưa chia, hiện ông N1 đang khởi kiện chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Quảng

Điền, đã được Tòa án thụ lý nhưng đang tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính này. Trước khi chết ông N2, bà Con không để lại di chúc, không viết giấy tặng cho đối với ông C2, thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn, thời điểm năm 1986 ông C2 là thành viên trong gia đình đứng tên đăng ký, kê khai nhà đất của ông N2, bà Con là không đúng pháp luật, việc UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh C2 vào ngày 23/9/1992 là sau khi ông N2, bà Con đều đã chết, các đồng thừa kế khác không biết, việc cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh C2 vào ngày 23/9/1992 là không đúng nguồn gốc, trái quy định của Luật đất đai năm 1987, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, ông N1, các người con của ông Huỳnh T10 và bà Huỳnh Thị V và những người thừa kế khác của ông N2, bà Con. Tại Bản án hành chính sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L là không đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông L và ông N1, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh L và ông Huỳnh Quang N1, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B507311 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 23/9/1992 cho ông Huỳnh C2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xem xét kháng cáo của ông Huỳnh Lợi và ông Huỳnh Quang N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu theo quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai có vắng mặt một số đương sự, tuy nhiên họ đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, kháng cáo của ông Huỳnh L và ông Huỳnh Quang N1 là hợp lệ, không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 232 Luật tố tụng hành chính, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc thửa đất liên quan yêu cầu khởi kiện, xét thấy: Theo lời khai của ông Huỳnh L, Huỳnh T2, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Quang N1

(là những người con của ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1) và các lời khai của những người làm chứng ông Dương H1, ông Lê T8, ông Lê Đình T9, đều thể hiện thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.029m² tại Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế là do ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1 khai phá, tạo lập, trên đất có ngôi nhà của ông N2, bà Con, ông N2, bà Con đã sinh sống trên thửa đất nói trên cho đến khi qua đời, nhà cửa của ông N2, bà Con vẫn tồn tại trên đất cho đến năm 2020 thì ông T2 mới tháo dỡ. Ông Huỳnh D, người đại diện theo ủy quyền của bà R cũng thừa nhận ngôi nhà cấp 4 là của ông N2, bà Con để lại. Như vậy, có cơ sở xác định ngôi nhà cấp 4 và thửa đất nói trên do của ông N2, bà Con tạo lập. Trước khi chết, ông N2, bà Con không có giấy tặng cho hoặc có di chúc để lại nhà đất cho ai thừa kế. Ông Huỳnh N2 chết năm 1988, bà Lê Thị C1 chết năm 1979 (theo các Giấy chứng tử cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm). Ngày 30/7/2020 ông Huỳnh Quang N1, khởi kiện vụ án chia thừa kế di sản của ông N2, bà Con để lại tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, vụ án đã được Tòa án thụ lý nhưng hiện đang tạm đình chỉ, để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính này. Mặt khác, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 26/2018/AL thì thời hiệu chia di sản thừa kế trường hợp nói trên vẫn còn, những người thừa kế của ông N2, bà Con có quyền được hưởng di sản thừa kế là nhà và đất nói trên và có quyền khởi kiện phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, việc tự chia di sản thừa kế của ông N2, bà Con của bà R (vợ ông C2), cũng như chia hai thửa đất là di sản giữa bà Đào Thị R1 với ông Huỳnh T2 đều không đúng pháp luật, những giấy tờ về thỏa thuận chia di sản thừa kế nhưng không có sự tham gia đầy đủ những đồng thừa kế khác là không có giá trị pháp lý.

[2.2]. Xem xét việc UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số B507311 ngày 23/9/1992 cho ông Huỳnh Chế t:

Với nguồn gốc đất như nhận định nêu trên ở phần [2.1], thời điểm ông Huỳnh Chế đăng k đất đai năm 1986, ông N2 vẫn còn sống và đang quản lý, sử dụng nhà đất là tài sản chung của vợ chồng, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có giấy tờ gì thể hiện ông N2 ủy quyền cho ông C2 đi kê khai, đăng ký đối với nhà đất, sau khi ông N2 chết, cũng không có giấy tờ gì thể hiện ông N2 tặng cho nhà đất đối với ông C2 và cũng không có giấy tờ gì thể hiện các đồng thừa kế của ông N2, bà Con thống nhất việc ông C2 đứng tên trên GCNQSDĐ. Quá trình giải quyết vụ án, ông C2 cũng như những người kế thừa tổ tụng của ông C2 không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì liên quan việc biến động tài sản từ ông N2, bà Con sang cho vợ chồng ông C2. Như vậy, việc kê khai, đăng ký đất đai đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.029m² tại Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế của ông C2 là không đúng pháp luật. Tại thời điểm kê khai ông là thành viên trong gia đình, chỉ mang tính chất đại diện cho ông N2 đứng tên đăng ký, kê khai, chứ không phải xác lập quyền sử dụng nhà đất cho cá nhân ông C2.

UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số B507311 ngày 23/9/1992 cho ông Huỳnh C2 nhưng không xác minh, làm rõ về nguồn gốc nhà đất, quan hệ thừa kế và ý kiến của những người thừa kế của ông N2, bà Con mà căn cứ vào việc ông

Huỳnh Ch� đăng k, kê khai để cấp GCNQSDĐ cho ông C2 vừa không đúng đối tượng vừa ảnh hưởng quyền và lợi ích của những người con khác của ông N2, bà Con.

[2.3]. Xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q thấy rằng: Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng nhà đất có nguồn gốc ông của ông N2, bà Con nhưng do ông C2 đăng ký, kê khai và được cấp Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục nên không chấp nhận khiếu nại của ông L, là không đúng pháp luật, như đã phân tích nêu trên, cần phải hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm đã viện dẫn Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán để cho rằng đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không thuộc tài sản riêng của công dân nên không trở thành di sản thừa kế khi chết là không đúng pháp luật. Bởi lẽ, các văn bản nói trên đều nêu rõ cần áp dụng quy định của luật đất đai để xem xét, trong lúc, tại Điều 17 Luật đất đai năm 1987 xác định đất gắn liền nhà cửa là di sản thừa kế, cụ thể Điều 17 Luật đất đai năm 1987 quy định “ *Người được thừa kế nhà ở...sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu đối với nhà ở, thì được quyền sử dụng đất ở có ngôi nhà đó*”; theo hướng dẫn tại khoản 1, mục II, Nghị quyết số 02/2004/HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nhà đất của ông N2 bà con để lại là di sản thừa kế. Mặt khác, tại Bản án sơ thẩm đã nhận định cho rằng “*nếu trước năm 1986 thực tế Ông Huỳnh N2 và bà Lê Thị C1 có sử dụng, nhưng không có kê khai, đăng ký; sau khi ông N2, bà Con chết quá trình Nhà nước thực hiện thống kê, kê khai, thì Nhà nước có quyền thu hồi để cấp cho vợ chồng ông C2 được sử dụng theo qui định tại khoản 2 Điều 2; Luật đất đai năm 1993; Điều 50, 52, 53 luật đất đai 2003, Điều 100 luật đất đai 2013.*” Là nhận định không đúng, nhà đất nói trên của ông N2, bà Con không thuộc đối tượng thực hiện chính sách đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 2, Luật đất đai năm 1993, cũng như khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5, Điều 26 Luật đất đai năm 2013, từ đó đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L là không đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh L, ông Huỳnh Quang N1, sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Huỳnh Ch� s B507311 ngày 23/9/1992 và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Q.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa Bản án hành chính sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại người phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của Ông Huỳnh L và ông Huỳnh Quang N1 nên ông L và ông N1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh L và ông Huỳnh Quang N1, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L.

Áp dụng Điều 17 Luật đất đai năm 1987; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 50, Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 1, mục II, Nghị quyết số 02/2004/HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B507311 ngày 23/9/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Huỳnh Chế .1
- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Ủy ban nhân dân huyện Q và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh L và ông Huỳnh Quang N1 không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Quang N1 tại Biên lai số 0000325 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi